

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH BẠC LIÊU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 43/2021/DS-PT

Ngày 20 - 4 - 2021

V/v tranh chấp chia tài sản chung

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẠC LIÊU**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Lê Thanh Hùng

*Các Thẩm phán:*

Ông Bùi Anh Tuấn

Bà Châu Minh Nguyệt

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Trần Thị Thúy - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa:**  
Bà Huỳnh Thị Hồng Thu - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 4 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 162/2020/TLPT-DS ngày 25 tháng 12 năm 2021 về việc tranh chấp chia tài sản chung.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 42/2020/DS-ST ngày 04 tháng 11 năm 2020 của Tòa án nhân dân thị xã G, tỉnh Bạc Liêu bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 25/2021/QĐ-PT ngày 22 tháng 3 năm 2021, giữa các đương sự:

\*Nguyên đơn: Bà Hàng Thị L, sinh năm 1956

Địa chỉ: Số X, Khóm Y, phường H, thị xã G, tỉnh Bạc Liêu.

Người đại diện theo ủy quyền của bà L: Anh Trần Thanh T, sinh năm 1976. Địa chỉ: Khóm X, phường H, thị xã G, tỉnh Bạc Liêu (có mặt).

\*Bị đơn: Bà Hàng Thị H, sinh năm 1960 (có mặt).

Địa chỉ: Khóm X, phường H, thị xã G, tỉnh Bạc Liêu.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Hàng Thị H: Ông Nguyễn Duy S là Luật sư của Công ty Luật TNHH MTV T, thuộc Đoàn luật sư tỉnh Bạc Liêu (có mặt).

\*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

- Cụ Nguyễn Thị T, sinh năm 1912 (đã chết)

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của cụ T:

+ Ông Hàng Văn H (T), sinh năm 1929 (chết năm 2015, con cụ T);

Bà Ngô Thị S (đã chết, vợ ông T).

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ của ông H và bà S:

Anh Hàng Văn H1, sinh năm 1963. Địa chỉ: Thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Cà Mau (con ông H).

Chị Hàng Kim D, sinh năm 1968. Địa chỉ: Ấp C, xã Lo, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu (con ông H).

Anh Hàng Quốc T, sinh năm 1971. Địa chỉ: Khóm , phường H, thị xã G, tỉnh Bạc Liêu (con ông H)

Chị Hàng Kim C, sinh năm 1973. Địa chỉ: Khóm , phường H, thị xã G, tỉnh Bạc Liêu (con ông H) (có đơn xin vắng mặt).

Chị Hàng Kim Ly, sinh năm 1967. Địa chỉ: Khóm , phường Hộ, thị xã G, tỉnh Bạc Liêu (con ông Hai) (vắng mặt).

Anh Hàng Quốc T1 (đã chết, con ông H), anh T1 có vợ tên Nguyễn Ngọc K, sinh năm 1979 và con là cháu Hàng Gia Y, sinh năm 2009. Cùng địa chỉ: Ấp L, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu.

+ Bà Hàng Mỹ T, sinh năm 1931, địa chỉ: Khóm , phường H, thị xã G, tỉnh Bạc Liêu, (đã chết 2018, con cụ T).

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ của bà T:

Anh Lưu Hoàng A, sinh năm 1964. Địa chỉ: Khóm, phường Hộ, thị xã G, tỉnh Bạc Liêu (con bà T).

Chị Lưu Mỹ X, sinh năm 1966. địa chỉ: Khóm , phường Hộ, thị xã G, tỉnh Bạc Liêu (con bà T).

Chị Lưu Mỹ N, sinh năm 1968. Địa chỉ Khóm , phường Hộ, thị xã G, tỉnh Bạc Liêu (con bà T)

Anh Lưu Hoàng Giang, sinh năm 1970. Địa chỉ: Khóm , phường Hộ, thị xã G, tỉnh Bạc Liêu (con bà T)

+ Bà Hàng Thị N, sinh năm 1942. Địa chỉ: ấp T, xã T, Đ, Cà Mau (con cụ T).

+ Ông Hàng Phú G, sinh năm 1938, địa chỉ: Khóm , phường Hộ, thị xã G, tỉnh Bạc Liêu, (con cụ T).

+ Bà Hàng Kim P, sinh năm 1948, địa chỉ: ấp T, xã T, Đ, Cà Mau, (con cụ T).

+ Bà Hàng Kim T, sinh năm 1946, địa chỉ: ấp T, xã T, huyện Đ, tỉnh Cà Mau, (con cụ T).

+ Bà Hàng Thị T, sinh năm 1948, địa chỉ: Khóm , phường Hộ, thị xã G tỉnh Bạc Liêu, (con cụ T).

+ Bà Hàng Thị L, sinh năm 1956, địa chỉ: Khóm , phường Hộ, thị xã G, tỉnh Bạc Liêu, (con cụ T).

+ Ông Hàng Công T, sinh năm 1959, địa chỉ: Khóm , phường Hộ, thị xã G, tỉnh Bạc Liêu, (con cụ T).

+ Bà Hàng Thị H, sinh năm 1960, địa chỉ: Khóm , phường Hộ, thị xã G, tỉnh Bạc Liêu (con cụ Tài).

Người đại diện theo ủy quyền của anh Hàng Văn H, chị Hàng Kim D, anh Hàng Quốc T, chị Nguyễn Ngọc K, anh Lưu Hoàng A, chị Lưu Mỹ X, chị Lưu Mỹ N, anh Lưu Hoàng G, bà Hàng Thị N, ông Hàng Phú G, bà Hàng Kim P, ông Hàng Công T: Anh Trần Thanh T, sinh năm 1976. Địa chỉ: Khóm , phường Hộ, thị xã G, tỉnh Bạc Liêu (có mặt).

- Bà Hàng Kim T, sinh năm 1946
- Bà Hàng Thị T (Hàng Kim T), sinh năm 1948
- Ông Trịnh Minh Q, sinh năm 1956
- Ông Võ Đình V, sinh năm 1978
- Anh Võ Duy L, sinh năm 1981
- Anh Nguyễn Hoàng N, sinh năm 1984
- Chị Trịnh Hàng P, sinh năm 1989
- Chị Trịnh Nhân A, sinh năm 1992

Cùng địa chỉ: Khóm , phường Hộ, thị xã G, tỉnh Bạc Liêu.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Hàng Kim T, bà Hàng Thị T, chị Trịnh Nhân A, anh Nguyễn Hoàng N, chị Trịnh Hàng P, ông Võ Đình V, anh Võ Duy L, ông Trịnh Minh Q: Anh Trần Thanh T, sinh năm 1976. Địa chỉ: Khóm , phường Hộ, thị xã G, tỉnh Bạc Liêu (có mặt).

- Chị Nguyễn Hàng Ái Đ, sinh năm 1984
- Anh Nguyễn Hàng Đăng K, sinh năm 1986
- Anh Nguyễn Hàng Quốc L, sinh năm 1988
- Anh Nguyễn Hàng Quốc M, sinh năm 1990

Người đại diện theo ủy quyền của chị Nguyễn Hàng Ái Đ, anh Nguyễn Hàng Quốc M, anh Nguyễn hàng Quốc L, anh Nguyễn Hàng Đăng K: Bà Hàng Thị H, sinh năm 1960. Địa chỉ: Khóm , phường Hộ, thị xã G, tỉnh Bạc Liêu (có mặt).

- Ông Nguyễn Chí C, sinh năm 1962 (có mặt).

Địa chỉ: Khóm , phường Hộ, thị xã G, tỉnh Bạc Liêu.

- *Người kháng cáo:* Bị đơn Hàng Thị H, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Chí C, chị Nguyễn Hàng Ái L, anh Nguyễn Hàng Quốc M, anh Nguyễn Hàng Quốc L, Nguyễn Hàng Đăng K.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, anh Trần Thanh T là người đại diện cho nguyên đơn bà Hàng Thị L, đồng thời ông T cũng là người đại diện theo ủy quyền của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Hàng Văn H, chị Hàng Kim D, anh Hàng Quốc T, chị Nguyễn Ngọc K, anh Lưu Hoàng A, chị Lưu Mỹ X, chị Lưu Mỹ N, anh Lưu Hoàng G, bà Hàng Thị N, ông Hàng Phú G, bà Hàng Kim P, ông Hàng Công T, bà Hàng Kim T, bà Hàng Thị T, chị Trịnh Nhân A, anh Nguyễn Hoàng N, chị Trình Hàng P, ông Võ Đình V, anh Võ Duy L, ông Trịnh Minh Q trình bày: Cụ Hàng Văn T, cụ Nguyễn Thị T có 10 người con chung gồm: Ông Hàng Văn T1 (đã chết năm 2015), ông Hàng Mỹ T, bà Hàng Thị N, bà Hàng P, bà Hàng Kim P, bà Hàng Kim T, bà Hàng Thị T (Hàng Kim T), bà Hàng Thị L (nguyên đơn), ông Hàng Công T, bà Hàng Thị H (bị đơn), ông bà không có con nuôi.

Năm 1992 cụ Hàng Văn T mất, không có để lại di chúc, có để lại tài sản là 01 căn nhà bằng gỗ được xây dựng từ khoảng năm 1965, diện tích ngang 4,4m dài khoảng hơn 20m (là tài sản chung của cụ T và cụ T), phần đất đã được Ủy ban nhân dân huyện G (nay là thị xã G) cấp cho hộ cụ Nguyễn Thị T ngày 16/10/2006, diện tích 91,5m<sup>2</sup>, tại thửa số 348, tờ bản đồ số 53. Vào năm 2001 khi nhà xuống cấp thì bà Hàng Thị L có bỏ ra chi phí để sửa chữa lại căn nhà với số tiền là 90.000.000đ. Mặc dù gia đình bà Hàng Thị H sống trong căn nhà này nhưng không có đóng góp gì để nâng cấp, cải tạo và sửa chữa căn nhà. Khi cụ Hàng Văn T mất thì bà Hàng Thị L đứng ra lo chôn cất, mai táng, hiện tại bà L đang thờ cúng cụ T, còn cụ T cũng do bà L chăm sóc, nuôi dưỡng và cũng đã mất năm 2020. Sau khi cụ T mất giữa cụ T và các con của cụ T có thỏa thuận phân chia căn nhà là tài sản chung của cụ T và cụ T vào ngày 15/12/2006, bao gồm tất cả những người con của cụ T và cụ T, bà H có chứng kiến nhưng không có tham gia.

Nay nguyên đơn bà Hàng Thị L, bà Hàng Kim T, bà Hàng Thị T có yêu cầu chia tài sản chung là căn nhà gắn liền với quyền sử dụng đất nêu trên. Bà Hàng Kim T, bà Hàng Thị T có nguyện vọng để căn nhà này lại cho bà Hàng Thị L quản lý và sử dụng để thờ cúng cụ T và cụ T, bà L sẽ giao trả giá trị phần đất cho bà H được chia theo quy định pháp luật.

Đối với yêu cầu của bà Hàng Thị H, ông Nguyễn Chí C cũng như các con của bà H có yêu cầu được nhận căn nhà số , gắn liền với quyền sử dụng đất thì bà L không đồng ý với lý do những người con của bà H và ông C là Nguyễn Hàng Đăng K, Nguyễn Hàng Ái Đ, Nguyễn Hàng Quốc M, Nguyễn Hàng Quốc L (những người này có tên trong hộ gia đình do cụ Nguyễn Thị T đứng tên làm chủ hộ) đã có nghề nghiệp ổn định, riêng Nguyễn Hàng Đăng K đã có chỗ ở ổn định riêng.

Về yêu cầu phản tố của bà Hàng Thị H, ông Nguyễn Chí C đối với anh Trần Thanh T, bà Hàng Thị T bồi thường thiệt hại về tài sản số tiền 48.948.000đ và tiền tổn thất tinh thần mà theo bà H và ông C xác định do anh T và bà T khi dọn dẹp để nâng cấp mặt phía trước căn nhà đã làm mất tài sản và có hành vi hành hung gây thương tích cho ông C là hoàn toàn không đúng sự thật.

Đối với sổ hộ khẩu của cụ Nguyễn Thị T được cấp ngày 03/9/2008 những người có tên trong hộ thì thời điểm cấp sổ hộ khẩu này so với thời điểm được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 16/10/2006 là không có sự thay đổi về thành viên trong hộ.

- Theo đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn bà Hàng Thị H, bà H đồng thời cũng là người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Hàng Ái Đ, anh Nguyễn Hàng Quốc M, anh Nguyễn hàng Quốc L, anh Nguyễn Hàng Đăng K cùng với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Chí C thống nhất trình bày:

Theo yêu cầu của bà Hàng Thị L phân chia tài sản chung căn nhà số 50, đường Khóm, phường Hộ, thị xã G, tỉnh Bạc Liêu gắn liền với quyền sử dụng đất mà cụ Hàng Văn T để lại theo quy định pháp luật thì bà H và ông Công không đồng ý. Theo bà H xác định: cụ Hàng Văn T mất 1992, giữa cụ T và cụ T có 10 người con chung như nguyên đơn trình bày. Khi cụ T mất có để lại tài sản có 01 căn nhà được làm bằng cây gỗ, vách cũng có xây tường gắn liền với quyền sử dụng đất ngang khoảng 4,5m dài khoảng 20m. Khi cụ T mất thì người anh thứ 5 là ông Hàng Phú G đứng ra đại diện và các anh chị em trong gia đình cùng lo hậu sự và đóng góp tiền bạc, công sức.

Trước khi cụ T mất thì vợ chồng bà H cùng với vợ chồng bà L, cụ T và cụ T cùng quản lý và sử dụng căn nhà. Tuy nhiên, vợ chồng bà L ban ngày thì đi làm, ban đêm mới về nhà ngủ, khi cụ T mất thì vợ chồng bà H cùng với vợ chồng bà L, cụ T tiếp tục quản lý và sử dụng căn nhà. Do căn nhà này là tài sản chung và cùng sử dụng chung giữa vợ chồng bà H, vợ chồng bà L và cụ T, nên khi nhà xuống cấp thì cùng chung đóng góp sửa chữa, nâng cấp, ai có điều kiện nhiều thì đóng góp nhiều và trong quá trình sử dụng chung căn nhà này thì bà H và ông C có đóng góp nâng cấp, sửa chữa, tôn tạo nhưng đóng góp bao nhiêu thì không nhớ. Hiện nay thì cụ T cũng đã chết.

Nay, bà H và ông C có yêu cầu đối với căn nhà gắn liền với quyền sử dụng đất là nơi bà H và ông C mua bán, sinh sống, gắn bó từ nhỏ đến giờ, là tất cả cuộc sống mưu sinh của gia đình bà H, ông C ngoài ra không có nhà ở nơi nào khác. Còn bà L thì có nhà đất, cơ ngơi kinh doanh ổn định, nên bà H có yêu cầu được giữ lại căn nhà gắn liền với quyền sử dụng đất, đồng ý trả giá trị cho những người được hưởng đối với những thành viên có tên trong hộ của cụ Nguyễn Thị T.

Bị đơn bà Hàng Thị H thống nhất với lời trình bày của anh Trần Thanh T là tại thời điểm cấp sổ hộ khẩu thì những thành viên trong hộ không có sự thay đổi so với thời điểm cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Bà H cũng có yêu cầu là do điều kiện hiện tại bà H không có chỗ ở, còn bà L thì có chỗ ở và có cơ sở kinh doanh riêng nên bà H vẫn giữ nguyên yêu cầu được nhận căn nhà gắn liền với quyền sử dụng đất và đồng ý trả giá trị cho những người được hưởng theo quy định.

Đối với yêu cầu khởi kiện phản tố ngày 19 tháng 12 năm 2017 bà H không có yêu cầu Tòa án tiếp tục xem xét giải quyết mà yêu cầu Cơ quan Cảnh sát điều tra xử lý theo quy định.

*Từ nội dung trên, tại Bản án dân sự sơ thẩm số 42/2020/DS-ST ngày 04/11/2020 của Tòa án nhân dân thị xã Giá Rai, tỉnh Bạc Liêu đã quyết định:*

Căn cứ khoản 2 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 217, Điều 227, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 102, Điều 208, Điều 209, Điều 212, Điều 219, Điều 220 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 29 Điều 3 Điều 166, Điều 170, Điều 203 của Luật đất đai năm 2013;

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Hàng Thị L đối với bà Hàng Thị H về việc chia tài sản chung căn nhà số Khóm , phường Hộ, thị xã G, tỉnh Bạc Liêu gắn liền với quyền sử dụng đất số AG289930, diện tích 91,5m<sup>2</sup>, tại thửa số 348, tờ bản đồ số 53, được Ủy ban nhân dân huyện G (nay là thị xã G) cấp cho hộ cụ Nguyễn Thị T ngày 16/10/2006, có vị trí, kích thước như sau:

- + Hướng Đông: giáp đất ông Trần Văn C, cạnh dài 20,4m
- + Hướng Tây: giáp đất bà Nguyễn Thu H, cạnh dài 20,65m
- + Hướng Nam: giáp Kênh xáng Bạc Liêu – Cà Mau, cạnh dài 4,40m
- + Hướng Bắc: giáp đường 30/4, cạnh dài 4,52m

Chia cho bà Hàng Thị L căn nhà gắn liền với quyền sử dụng đất diện tích 91,5m<sup>2</sup>, tại thửa số , tờ bản đồ số , được Ủy ban nhân dân huyện G (nay là thị xã G) cấp cho hộ cụ Nguyễn Thị T ngày 16/10/2006, tọa lạc tại số 50, đường 30/4, Khóm , phường Hộ, thị xã G, tỉnh Bạc Liêu, có giá trị là 354.000.000đ.

Chia cho bà Hàng Thị H trị giá quyền sử dụng đất là 30.500.000đ.

Buộc bà Hàng Thị L có nghĩa vụ hoàn lại cho bà Hàng Thị H trị giá quyền sử dụng đất được chia là 30.500.000đ.

Bà Hàng Thị L có quyền đến Cơ quan có thẩm quyền kê khai, đăng ký quyền sở hữu nhà, quyền sử dụng đất được phân chia theo quy định của pháp luật.

2. Đình chỉ yêu cầu phản tố của bà Hàng Thị H về việc giao quyền sở hữu căn nhà và quyền sử dụng đất, tọa lạc Khóm , phường Hộ, thị xã G, tỉnh Bạc Liêu.

Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của bà Hàng Thị H và ông Nguyễn Chí C về

việc có yêu cầu anh Trần Thanh T và bà Hàng Thị T bồi thường thiệt hại về tài sản là 48.948.000đ (bao gồm phương tiện kinh doanh; hàng hóa bị mất và hư hỏng) và bồi thường về danh dự, nhân phẩm, uy tín bị xâm hại và tổn thất tinh thần là 13.500.000đ.

3. Buộc bà Hàng Thị H, ông Nguyễn Chí C có nghĩa vụ di dời tài sản riêng của bà H và ông C ra khỏi căn nhà và đất tọa lạc Khóm , phường Hộ, thị xã G, tỉnh Bạc Liêu để giao trả lại cho bà Hàng Thị L. Bà Hàng Thị H và ông Nguyễn Chí C có quyền lưu cư trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 4/11/2020).

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về án phí, chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản, quy định về thi hành án, quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 26 tháng 11 năm 2020, bị đơn Hàng Thị H kháng cáo yêu cầu cầu xem xét lại toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm số 42/2020/DS-ST ngày 04 tháng 11 năm 2020 của Tòa án nhân dân thị xã Giá Rai, tỉnh Bạc Liêu theo hướng hủy bản án sơ thẩm.

Ngày 01 tháng 12 năm 2020, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Chí C, chị Nguyễn Hàng Ái Đ, anh Nguyễn Hàng Quốc M, anh Nguyễn Hàng Quốc L, Nguyễn Hàng Đăng K kháng cáo yêu cầu cầu xem xét lại toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm số 42/2020/DS-ST ngày 04 tháng 11 năm 2020 của Tòa án nhân dân thị xã Giá Rai, tỉnh Bạc Liêu theo hướng hủy bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người kháng cáo giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn bà Hàng Thị H ông Nguyễn Duy S trình bày: Bản án dân sự sơ thẩm số 42/2020/DS-ST ngày 04/11/2020 của Tòa án nhân dân thị xã G, tỉnh Bạc Liêu ban hành chưa đúng quy định pháp luật, bởi lẽ: Việc ủy quyền của các đương sự cho anh T là trái quy định pháp luật vì quyền lợi của các đương sự bên ủy quyền có mâu thuẫn; cụ Tài chết sau khi xét xử sơ thẩm nên nay hợp đồng ủy quyền của cụ Tài cho anh Tâm không có hiệu lực, anh Tâm không có tư cách tham gia phiên tòa phúc thẩm; bản án sơ thẩm vi phạm khoản 3 Điều 266 Bộ luật Tố tụng dân sự, vì bà H đã thi hành án một phần nhưng bản án sơ thẩm không đề cập xử lý; Quyết định giám đốc thẩm nhận định việc thu thập tài liệu liên quan đến việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho cụ Tài chưa được làm rõ đúng sai, nhưng cấp sơ thẩm vẫn chưa làm rõ vấn đề này, theo Công văn số 56 xác định hồ sơ cấp đất cho hộ cụ Tài đã thất lạc nên không xác định được; cấp sơ thẩm chưa đánh giá chứng cứ do ông Công giao nộp, gia đình bà Hồng không còn chỗ ở nào khác ngoài nhà số 50. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 3 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự hủy toàn bộ bản sơ thẩm số 42/2020/DS-ST ngày 04/11/2020 của Tòa án nhân dân thị xã G, tỉnh Bạc Liêu, giao hồ sơ cho cấp sơ thẩm xét xử lại theo quy định pháp luật.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu phát biểu ý kiến:*

*Về thủ tục tố tụng:* Thông qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử vào phòng nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và các đương sự đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

*Về nội dung:* Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Hàng Thị H và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Chí C, chị Nguyễn Hàng Ái L, anh Nguyễn Hàng Quốc M, anh Nguyễn Hàng Quốc L, Nguyễn Hàng Đăng K; giữ nguyên Bản án sơ thẩm số: 42/2020/DS-ST ngày 04 tháng 11 năm 2020 của Tòa án nhân dân thị xã Giá Rai, tỉnh Bạc Liêu.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa phúc thẩm, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa và ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên, sau khi thảo luận, nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng chị Hàng Kim C có đơn xin xét xử vắng mặt, chị Hàng Kim L đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không rõ lý do, đối với các đương sự khác vắng mặt thì đã có người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng, căn cứ theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 2, 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt chị Hàng Kim C và chị Hàng Kim L.

[2] Về nội dung cụ án: Cụ Hàng Văn T mất 1992, không có để lại di chúc, có để lại tài sản là 01 căn nhà bằng gỗ ngang 4,4m dài khoảng hơn 20m là tài sản chung của cụ Thời và cụ T, căn nhà được cất trên phần đất có diện tích 91,5m<sup>2</sup>, tại thửa đất số 348, tờ bản đồ số 53, được Ủy ban nhân dân huyện G (nay là thị xã G) cấp ngày 16/10/2006 do hộ cụ Nguyễn Thị T đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Quá trình giải quyết vụ án không thu thập được hồ sơ cấp giấy và sổ hộ khẩu của hộ cụ Nguyễn Thị T tại thời điểm cấp giấy, do hồ sơ cấp giấy cho hộ cụ Nguyễn Thị T tại thời điểm cấp giấy đã bị thất lạc (bút lục 1268), theo kết quả trả lời của Cơ quan quản lý hồ sơ đất đai và Cơ quan quản lý nhân khẩu nên không có cơ sở để xác định những ai là thành viên của hộ cụ Nguyễn Thị T tại thời điểm cấp giấy được Nhà nước công nhận quyền sử dụng đất. Tuy nhiên quá trình giải quyết vụ án, anh Trần Thanh T (người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Hàng Thị L) và bị đơn bà Hàng Thị H xác định thành viên trong sổ hộ khẩu được cấp ngày 03/9/2008 (bút lục 298 đến 305) và thành viên trong hộ khẩu tại thời điểm cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ cụ Nguyễn Thị T ngày 16/10/2006 là không có sự thay đổi về thành viên của hộ, nên có căn cứ xác định các thành viên của hộ cụ Nguyễn Thị T tại thời điểm cấp giấy, gồm các thành viên: cụ Nguyễn Thị T, bà Hàng Kim T, bà Hàng Thị T (Hàng Kim T), bà Hàng Thị H, bà Hàng Thị L, ông Trịnh Minh Q, anh Võ Đình V, anh Võ Duy L, anh Nguyễn Hoàng N (Trần Thanh N),



chị Nguyễn Hàng Ái Đ, anh Nguyễn Hàng Đăng K, anh Nguyễn Hàng Quốc L, anh Nguyễn Hàng Quốc M, anh Trịnh Nhân A, chị Trịnh Hàng P.

Như vậy, có căn cứ xác định nhà trên đất tranh chấp là của cụ T xây dựng và đất tranh chấp có nguồn gốc của cụ T và cụ T, trong quá trình sử dụng thì cụ T đăng ký kê khai và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ cụ Nguyễn Thị T. Do đó, khi xem xét yêu cầu chia tài sản chung thì cần xem xét công sức đóng góp, tạo lập nên không được phân chia tài sản chung này.

[ 3] Đối với yêu cầu chia căn nhà, Hội đồng xét xử xét thấy: Khi cụ T mất, có để lại căn nhà gắn liền với quyền sử dụng đất cấp cho hộ cụ Nguyễn Thị T, do cụ T và các con của cụ T quản lý, sử dụng nhà và đất này. Đến năm 2001 khi nhà xuống cấp bà Hàng Thị L đã nâng cấp, cải tạo và sửa chữa căn nhà với chi phí là 90.000.000đ, theo biên bản định giá ngày 8/6/2017 thì căn nhà có giá trị là 110.000.000đ. Để chứng minh cho lời trình bày này, bà Hàng Thị L đã cung cấp cho Tòa án giấy xác nhận của ông Trương Văn T là người nhận sửa chữa làm nhà cho bà L vào thời điểm năm 2001.

Bị đơn bà Hàng Thị H xác định quá trình nâng cấp, cải tạo và sửa chữa căn nhà bà H cũng có liên đới đóng góp nhưng không nhớ là bao nhiêu tiền. Xét thấy, việc bà H xác định có đóng góp vào việc nâng cấp, cải tạo căn nhà nhưng bà H không có tài liệu chứng cứ gì chứng minh là bà H có đóng góp vào việc nâng cấp cải tạo căn nhà, nên có căn cứ xác định căn nhà là do bà L nâng cấp, cải tạo, sửa chữa, nên phần giá trị căn nhà được chia toàn bộ cho bà L là phù hợp.

[4] Đối với phần đất tranh chấp, Hội đồng xét xử xét thấy: Các thành viên của hộ cụ Nguyễn Thị T tại thời điểm cấp giấy, gồm có: cụ Nguyễn Thị T, bà Hàng Kim T, bà Hàng Thị T (Hàng Kim T), bà Hàng Thị H, bà Hàng Thị L, ông Trịnh Minh Q, anh Võ Đình V, anh Võ Duy L, anh Nguyễn Hoàng N (Trần Thanh N), chị Nguyễn Hàng Ái Đ, anh Nguyễn Hàng Đăng K, anh Nguyễn Hàng Quốc L, anh Nguyễn Hàng Quốc M, anh Trịnh Nhân A, chị Trịnh Hàng P. Ngoài ra, còn có ông Nguyễn Chí C (con rể cụ T) cũng là người trực tiếp cùng quản lý, sử dụng nhà và đất tranh chấp. Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án các thành viên trong hộ cụ tài như ông Trịnh Minh Q (con rể cụ T, chồng bà L); anh Võ Đình V, anh Võ Duy L, anh Nguyễn Hoàng N (Trần Thanh N), chị Nguyễn Hàng Ái Đ, anh Nguyễn Hàng Đăng K, anh Nguyễn Hàng Quốc L, anh Nguyễn Hàng Quốc M, anh Trịnh Nhân A, chị Trịnh Hàng P (cháu cụ T) và người cùng sử dụng nhà đất tranh chấp là ông Nguyễn Chí C không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh cho việc có công sức đóng góp, tạo lập nên không được phân chia tài sản chung này.

Như vậy, thành viên hộ cụ Nguyễn Thị T còn lại được phân chia tài sản chung theo quy định pháp luật gồm có cụ Nguyễn Thị T và các con của cụ Tài gồm: bà Hàng Thị L, bà Hàng Thị H, bà Hàng Kim T, bà Hàng Thị T (Hàng Kim T).

Mặc dù, hiện nay cụ Tài đã chết, nhưng trong suốt quá trình giải quyết vụ án thì cụ Nguyễn Thị T và các đồng sở hữu, sử dụng tài sản chung là bà Hàng

Kim T, bà Hàng Thị T và những người con còn lại của cụ T đều có nguyện vọng giao căn nhà số 50 gắn liền với quyền sử đất cho nguyên đơn bà Hàng Thị L, để bà L được tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc cụ Nguyễn Thị T lúc còn sống và thờ cúng cụ T, cụ T khi chết, vì vậy cần giao căn nhà số 50 gắn liền với quyền sử dụng đất cho bà Hàng Thị L được tiếp tục sở hữu, quản lý, sử dụng là phù hợp theo quy định của pháp luật, đúng theo nguyện vọng của dòng họ để thờ cúng ông bà và bà Hàng Thị L có nghĩa vụ hoàn lại cho bà Hàng Thị H giá trị phần đất được chia. Mặc khác đây cũng là chỗ ở duy nhất của gia đình bà L, vì hiện tại gia đình bà L không còn chỗ ở nào khác, phần đất theo xác định của bị đơn bà Hàng Thị H của bà Hàng Thị L, ông Trịnh Minh Q tại địa chỉ Ấp C, xã L, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu bà L, ông Q đã chuyển nhượng cho bà Ngô Mỹ L (bút lục số 1277).

Trong quá trình giải quyết vụ án, bà Hàng Thị H cũng có nguyện vọng được tiếp tục quản lý và sử dụng căn nhà gắn liền với quyền sử dụng đất và đồng ý hoàn lại giá trị cho những người được chia theo quy định. Hội đồng xét xử xét thấy, mặc dù bà H không có chỗ ở nào khác nhưng quá trình sử dụng căn nhà bà H không có công sức đóng góp, không có công sức nâng cấp, cải tạo, sửa chữa. Các con của bà H hiện đã có gia đình riêng và chỗ ở, công việc ổn định, không còn sống tại căn nhà số 50 và cụ T lúc còn sống cùng các con của cụ T cũng không đồng ý giao nhà và đất lại cho bà H, vì vậy không có căn cứ chấp nhận yêu cầu này của bà H.

[5] Phần đất tranh chấp có diện tích là  $91,5m^2$ , theo biên bản định giá tài sản ngày 8/6/2017 có giá trị là  $3.000.000đ/m^2 \times 91,5m^2 = 274.500.000đ$ . Trong đó, cụ Nguyễn Thị T là người có công tạo lập ra tài sản này nên được chia  $\frac{1}{2}$  giá trị phần đất là 137.250.000đ;  $\frac{1}{2}$  giá trị phần đất còn lại là 137.250.000đ được chia cho bà Hàng Thị L, bà Hàng Thị H, bà Hàng Kim T, bà Hàng Thị T (Hàng Kim T). Nguyên đơn bà Hàng Thị L là người có công tôn tạo, gìn giữ, trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cụ Hàng Văn T khi còn sống và đang trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cụ Nguyễn Thị T nên được chia  $\frac{1}{3}$  giá trị phần đất của số tiền 137.250.000đ là 45.750.000đ; Bà Hàng Thị H, bà Hàng Kim T, bà Hàng Thị T (Hàng Kim T) có công gìn giữ nên được chia bằng nhau của số tiền 91.500.000đ (giá trị phần đất được chia còn lại), mỗi người được chia là 30.500.000đ.

Do cụ tài và các con còn lại của cụ T điều thống nhất giao đất tranh chấp cho bà L, do đó tổng giá trị phần đất bà Hàng Thị L được chia là 244.000.000đ (giá trị phần đất) và bà L có nghĩa vụ hoàn lại cho bà H số tiền là 30.500.000đ.

Như vậy tổng giá trị phần đất và giá trị căn nhà bà Hàng Thị L được chia là 244.000.000đ (giá trị phần đất) + 110.000.000đ (giá trị căn nhà) là 354.000.000đ.

[6] Đối với yêu cầu khởi kiện phản tố ngày 19 tháng 12 năm 2017, do bà H và ông C không có yêu cầu Tòa án tiếp tục xem xét giải quyết mà yêu cầu Cơ quan Cảnh sát điều tra xử lý theo quy định, Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 217 đình chỉ yêu cầu khởi kiện này của bà H và ông C.

[7] Đối với số tiền mà bà H và ông C thi hành án theo Bản án dân sự phúc thẩm số 93/2018/DS-PT ngày 12/10/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu cấp sơ thẩm chưa đề cập là thiếu sót, nhưng thiếu sót này không ảnh hưởng đến nội dung vụ án. Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm sẽ sung nội dung này, bà H và ông C có quyền liên hệ Chi cục thi hành án dân sự thị xã Giá R để nhận lại số tiền đã nộp để thi hành theo Bản án dân sự phúc thẩm số 93/2018/DS-PT ngày 12/10/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu.

[8] Như đã phân tích, Hội đồng xét xử xét thấy: Án sơ thẩm xét xử có căn cứ, đúng quy định pháp luật; Kháng cáo yêu cầu hủy toàn bộ bản án sơ thẩm của bị đơn bà Hàng Thị H và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Chí C, chị Nguyễn Hàng Ái L, anh Nguyễn Hàng Quốc M, anh Nguyễn Hàng Quốc L, Nguyễn Hàng Đăng K là không có căn cứ nên không được chấp nhận. Đề nghị của Kiểm sát viên có căn cứ nên chấp nhận.

[9] Về án phí phúc thẩm: Bà Hàng Thị H, ông Nguyễn Chí C, chị Nguyễn Hàng Ái Đ, anh Nguyễn Hàng Quốc M, anh Nguyễn Hàng Quốc L, Nguyễn Hàng Đăng K kháng cáo không được chấp nhận nên mỗi người phải chịu 300.000 đồng.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự. Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Hàng Thị H và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Chí C, chị Nguyễn Hàng Ái Đ, anh Nguyễn Hàng Quốc M, anh Nguyễn Hàng Quốc L, Nguyễn Hàng Đăng K, giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 42/2020/DS-ST ngày 04/11/2020 của Tòa án nhân dân thị xã G, tỉnh Bạc Liêu.

Căn cứ khoản 2 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 217, Điều 227, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 102, Điều 208, Điều 209, Điều 212, Điều 219, Điều 220 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 29 Điều 3 Điều 166, Điều 170, Điều 203 của Luật đất đai năm 2013;

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

**Tuyên xử:**

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Hàng Thị L đối với bà Hàng Thị H về việc chia tài sản chung căn nhà số Khóm , phường Hộ, thị xã G, tỉnh Bạc Liêu gắn liền với quyền sử dụng đất số AG289930, diện tích 91,5m<sup>2</sup>, tại thửa số , tờ bản đồ số , được Ủy ban nhân dân huyện G (nay là thị xã G) cấp cho hộ cụ Nguyễn Thị T ngày 16/10/2006, có vị trí, kích thước như sau:

- + Hướng Đông: giáp đất ông Trần Văn C, có số đo 20,4m
- + Hướng Tây: giáp đất bà Nguyễn Thu H, có số đo 20,65m
- + Hướng Nam: giáp Kênh xáng Bạc Liêu – Cà Mau, có số đo 4,40m
- + Hướng Bắc: giáp đường 30/4, có số đo 4,52m

Chia cho bà Hàng Thị L được hưởng giá trị có giá trị nhà và đất là 354.000.000đ. Giao cho bà Hàng Thị L căn nhà gắn liền với quyền sử dụng đất diện tích 91,5m<sup>2</sup>, tại thửa số, tờ bản đồ số, được Ủy ban nhân dân huyện Giá R (nay là thị xã Giá R) cấp cho hộ cụ Nguyễn Thị T ngày 16/10/2006, tọa lạc tại Khóm, phường Hộ, thị xã G, tỉnh Bạc Liêu.

Chia cho bà Hàng Thị H trị giá quyền sử dụng đất là 30.500.000đ.

Buộc bà Hàng Thị L có nghĩa vụ hoàn lại cho bà Hàng Thị H trị giá quyền sử dụng đất được chia là 30.500.000đ.

Bà Hàng Thị L có quyền đến Cơ quan có thẩm quyền kê khai, đăng ký quyền sở hữu nhà, quyền sử dụng đất được phân chia theo quy định của pháp luật.

2. Đình chỉ yêu cầu phản tố của bà Hàng Thị H về việc giao quyền sở hữu căn nhà và quyền sử dụng đất, tọa lạc Khóm, phường Hộ, thị xã G, tỉnh Bạc Liêu.

Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của bà Hàng Thị H và ông Nguyễn Chí C về việc có yêu cầu anh Trần Thanh T và bà Hàng Thị T bồi thường thiệt hại về tài sản là 48.948.000đ (bao gồm phương tiện kinh doanh; hàng hóa bị mất và hư hỏng) và bồi thường về danh dự, nhân phẩm, uy tín bị xâm hại và tổn thất tinh thần là 13.500.000đ.

3. Buộc bà Hàng Thị H, ông Nguyễn Chí C có nghĩa vụ di dời tài sản riêng của bà H và ông C ra khỏi căn nhà và đất tọa lạc Khóm, phường Hộ, thị xã G, tỉnh Bạc Liêu để giao trả lại cho bà Hàng Thị L. Bà Hàng Thị H và ông Nguyễn Chí C có quyền lưu cư trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 4/11/2020).

4. Về chi phí thẩm định tại chỗ và định giá tài sản: các đương sự có nghĩa vụ nộp là 1.500.000đ. Trong đó nguyên đơn bà Hàng Thị L có nghĩa vụ nộp 1.000.000đ, bị đơn bà Hàng Thị H có nghĩa vụ nộp 500.000đ. Anh Trần Thanh T đã dự nộp tiền chi phí thẩm định, định giá là 2.000.000đ theo phiếu thu ngày 05/5/2017, được nhận lại 500.000đ tại Tòa án nhân dân thị xã G và 500.000đ từ bà Hàng Thị H.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc bà Hàng Thị L có nghĩa vụ nộp tiền án phí là 17.700.000đ, bà Hàng Thị L đã dự nộp tiền tạm ứng án phí là 200.000đ, lai thu số 0001280, ngày 15/12/2016 được chuyển thu án phí, bà L còn phải nộp thêm tiền án phí là 17.500.000đ, nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã G.

Buộc bà Hàng Thị H có nghĩa vụ nộp tiền án phí là 1.525.000đ, bà Hàng

Thị H đã dự nộp tiền tạm ứng án phí là 1.200.000đ, lai thu số 0010746, ngày 19/12/2017, được chuyển thu án phí, bà H còn phải nộp thêm tiền án phí là 325.000đ, nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã G.

**6. Về án phí dân sự phúc thẩm:**

Bà Hàng Thị H, ông Nguyễn Chí C mỗi người phải nộp 300.000 đồng, bà H và ông C đã nộp số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng lần lượt theo các Biên lai thu số 0002176, 0002177 ngày 01/12/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã G, tỉnh Bạc Liêu nay được chuyển thu án phí.

Chị Nguyễn Hàng Ái Đ, anh Nguyễn Hàng Quốc M, anh Nguyễn Hàng Quốc L, Nguyễn Hàng Đăng K mỗi người phải nộp 300.000 đồng, chị L, anh M, anh L, anh K mỗi người đã nộp số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng lần lượt theo các Biên lai thu số 0002181, 0002184, 0002183, 0002182 ngày 02/12/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã G, tỉnh Bạc Liêu nay được chuyển thu án phí.

7. Bà Hàng Thị H và ông Nguyễn Văn C có quyền liên hệ Chi cục thi hành án dân sự thị xã G để nhận lại số tiền đã nộp để thi hành theo Bản án dân sự phúc thẩm số 93/2018/DS-PT ngày 12/10/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- TANDCC tại TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND tỉnh Bạc Liêu;
- TAND thị xã G;
- CCTHADS thị xã G;
- Dương sự;
- Lưu, Tổ HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

**Lê Thanh Hùng**